

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23-4-2019

V/v: Ly hôn giữa anh V, chị L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nôi
2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2018/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07-8-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Anh Nguyễn Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và Chị Lê Thị L do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 1998. Quá trình chung sống vợ chồng anh đã làm mất đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến chị L không khắc phục được đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ

năm 2007, vợ chồng anh cũng sống ly thân từ đó đến nay. Anh xác tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị L.

Về nuôi con chung: Anh và chị L có 03 con chung là Nguyễn Thị L1, sinh ngày 26-9-1999, Nguyễn Văn V1, sinh ngày 17-5-2002 và Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 07-6-2005. Hiện nay, cháu L1 đã Tr thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Còn hai cháu V1 và Tr, anh nhường chị L nuôi cả hai con, anh không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

Về chia tài sản: Anh và chị L không có tài sản chung.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12-11-2018, bị đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: như anh V trình bày là đúng, hiện nay đã mất giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống do không tìm được tiếng nói chung nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2010 vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị cũng nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh V.

Về nuôi con chung: Chị và anh V có 03 con chung họ tên, ngày tháng năm sinh của các con như anh V trình bày là đúng. Cháu L1 đã Tr thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Hiện nay, cháu V1, cháu Tr đang ở với chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về chia tài sản: Chị và anh V không có tài sản chung.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, anh V, chị L đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị xử cho Anh Nguyễn Văn V và Chị Lê Thị L ly hôn. Về nuôi con chung: Giao cho chị L tiếp tục nuôi hai con Nguyễn Văn V1 và Nguyễn Văn Tr, chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Về chia tài sản: anh V, chị L không có tài sản chung. Anh V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với Chị Lê Thị L. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Chị L đang cư trú tại thôn N, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị L có mặt tại địa phương, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L, chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị L đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và Chị Lê Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 1998, do lâu ngày nên giấy chứng nhận kết hôn đã mất, tại UBND xã T không còn lưu trữ được sổ đăng ký kết hôn thời gian này nhưng ông Trần Văn C – cán bộ tư pháp từ năm 1986 đến 1998 xác nhận anh V, chị L có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án xác định hôn nhân giữa anh V, chị L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường xảy ra cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Hội đồng xét xử thấy: anh V, chị L mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh V được ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh V và chị L có 03 con chung là Nguyễn Thị L1, sinh ngày 26-9-1999, Nguyễn Văn V1, sinh ngày 17-5-2002 và Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 07-6-2005. Cháu L1 đã Tr thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Tại Bản tự khai ngày 28-3-2019, cháu V1 và cháu Tr đều có nguyện vọng ở với chị L. Chị L và anh V cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L nuôi cả hai con, anh V không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L. Xét thấy, hiện nay, chị L đang trực tiếp nuôi hai con và đảm bảo tốt quyền lợi mọi mặt của các con. Vì vậy cần giao cháu V1, cháu Tr cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh V không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về chia tài sản: Anh V, chị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa Anh Nguyễn Văn V và Chị Lê Thị L.
2. Về nuôi con chung: Giao hai con Nguyễn Văn V1, sinh ngày 17-5-2002 và Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 07-6-2005 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh V góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ anh V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005268 ngày 01-11-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà (anh V đã nộp đủ).
4. Anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Trác